

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tú	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Phy	Thành viên
Ông Ngô Trưng Bình	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Tú	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Tuấn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2011



Số: 07/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành vào ngày 10 tháng 3 năm 2010 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã công bố vào ngày 16 tháng 3 năm 2011 căn cứ vào Nghị quyết số 376/NĐ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán việc trình bày lại số liệu được đề cập tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày lại này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ. Báo cáo này chúng tôi phát hành nhằm thay thế báo cáo kiểm toán số 183/2011/Deloitte/AUDHCM-RE đã phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2011 về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

1714
TY
HÀ
PK
LON

172-C
NH
TY
HỮU
HÀ
TE
NAM
HỘI
ĐẠI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư này quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 5.



Lê Đình Tư
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 7 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.031.637.168.474		563.901.848.269	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	190.350.752.894		73.057.000.950	
1. Tiền	111		112.790.752.894		73.057.000.950	
2. Các khoản tương đương tiền	112		77.560.000.000		-	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		625.131.314.110		361.083.347.851	
1. Phải thu khách hàng	131		47.673.545.989		38.088.352.850	
2. Trả trước cho người bán	132	25	625.432.806.036		345.590.372.780	
3. Các khoản phải thu khác	135		3.653.102.188		186.891.908	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(51.628.140.103)		(22.782.269.687)	
III. Hàng tồn kho	140	7	189.738.663.541		122.908.197.924	
1. Hàng tồn kho	141		194.094.494.131		125.654.278.944	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.355.830.590)		(2.746.081.020)	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.416.437.929		6.853.301.544	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		345.684.624		30.301.135	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.274.579.006		6.458.542.831	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		44.775.387		2.845.097	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.751.398.912		361.612.481	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.100.497.770		102.774.554.198	
I. Tài sản cố định	220		99.478.888.818		93.463.441.639	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	26.620.733.482		27.472.490.772	
- Nguyên giá	222		48.359.012.891		44.794.498.524	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.738.279.409)		(17.322.007.752)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	52.137.019.088		53.128.521.867	
- Nguyên giá	228		53.171.279.067		53.171.279.067	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.034.259.979)		(42.757.200)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	20.721.136.248		12.862.429.000	
II. Bất động sản đầu tư	240		6.026.444.015		6.998.475.000	
- Nguyên giá	241	11	7.767.723.793		7.767.723.793	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.741.279.778)		(769.248.793)	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250					
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-		4.433.891.247	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		(4.433.891.247)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.595.164.937		2.312.637.559	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		66.144.006		273.017.412	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	8.529.020.931		2.039.620.147	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.145.737.666.244		666.676.402.467	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONGSố 3 - 5, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.000.213.855.612		581.720.665.860	
I. Nợ ngắn hạn	310		998.930.886.087		578.338.472.782	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	653.794.250.000		468.341.633.750	
2. Phải trả người bán	312		4.545.133.141		3.862.736.022	
3. Người mua trả tiền trước	313		292.033.860.252		75.546.794.697	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	20.841.553.664		8.898.297.754	
5. Phải trả công nhân viên	315		13.089.245.470		8.351.179.321	
6. Chi phí phải trả	316		1.845.040.811		1.064.321.267	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		11.354.665.103		11.680.167.778	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.427.137.646		593.342.193	
II. Nợ dài hạn	330		1.282.969.525		3.382.193.078	
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	-		3.281.150.089	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	334		1.282.969.525		101.042.989	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.523.810.632		84.955.736.607	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	145.523.810.632		84.955.736.607	
1. Vốn điều lệ	411		67.775.000.000		51.750.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.622.393.613		912.730.294	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(475.752.351)		(1.410.801.384)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.656.787.226		1.825.460.589	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.656.787.226		1.825.460.589	
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		66.288.594.918		30.052.886.519	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.145.737.666.244		666.676.402.467	



Lê Tuấn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Cao Phỹ
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1500
 CÔNG
 Ô
 T N
 VĨNH
 LONG

1/2-C
 NH
 Y
 BÀNH
 TTE
 NAM
 (10)
 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VINH LONG

Số 3 - 5, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vinh Long

Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.042.767.636.372	3.095.220.237.603
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.042.767.636.372	3.095.220.237.603
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(2.888.118.860.086)	(3.010.630.454.866)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.648.776.286	84.589.782.737
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	64.609.590.946	87.573.308.137
6. Chi phí tài chính	22	19	(46.028.577.997)	(54.272.812.981)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(43.471.364.696)	(49.057.659.864)
7. Chi phí bán hàng	24		(40.354.612.815)	(40.809.243.356)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(53.331.797.146)	(42.504.183.543)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.543.379.274	34.576.850.994
10. Thu nhập khác	31		1.678.477.651	1.521.996.641
11. Chi phí khác	32		(455.309.581)	(43.331.944)
12. Lợi nhuận khác	40	20	1.223.168.070	1.478.664.697
13. Lợi nhuận trước thuế	50		80.766.547.344	36.055.515.691
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(26.007.259.817)	(8.427.553.565)
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	6.489.400.784	2.039.620.147
16. Lợi nhuận sau thuế	60		61.248.688.311	29.667.582.273
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	8.531	5.356



Lê Tuấn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Cao Phỹ
Kế toán trưởng



177
3 T
H
ÁP
L
L
C

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010		2009	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.766.547.344		36.055.515.691	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	6.899.805.421		3.943.409.859	
Các khoản dự phòng	03	26.021.728.739		25.528.350.707	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.476.576.220)		(20.669.196.309)	
Chi phí lãi vay	06	43.471.364.696		49.057.659.864	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	151.682.869.980		93.915.739.812	
Tăng các khoản phải thu	09	(325.744.098.207)		(129.688.502.007)	
Tăng hàng tồn kho	10	(68.440.215.187)		(116.505.149.635)	
Tăng các khoản phải trả	11	224.836.307.259		23.504.591.224	
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(108.510.083)		289.139.040	
Tiền lãi vay đã trả	13	(42.061.668.137)		(48.834.921.795)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(338.958.544)		(7.323.128.262)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2.411.078.478	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.194.235.300)		(2.942.203.377)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.368.508.219)		(185.173.356.522)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(11.943.221.615)		(21.349.613.407)	
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	246.000.000		-	
3. Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn	24	6.650.836.247		-	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.013.631.220		20.669.196.309	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.032.754.148)		(680.417.098)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.723.488.215.500		2.555.773.103.475	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.539.064.749.339)		(2.293.902.253.475)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-		(5.725.227.085)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	184.423.466.161		256.145.622.915	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	120.022.203.794		70.291.849.295	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	73.057.000.950		4.174.686.054	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.728.451.850)		(1.409.534.399)	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	190.350.752.894		73.057.000.950	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho các cổ đông và chi thưởng Ban điều hành bằng cổ phiếu với số tiền là 16.025.000.000 đồng (năm 2009: 7.662.730.294 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Giám đốc
Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Cao Phý
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG

Số 3 - 5, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500171478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 1 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Xuất nhập khẩu Vĩnh Long, một doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Vĩnh Long thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 88 người (năm 2009: 78 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 3 - 5, đường 30 tháng 4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Công ty có 1 công ty con và hai xí nghiệp trực thuộc như sau:

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Chế biến lương thực Vĩnh Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty Vĩnh Trạch") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 521041000294 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 8 tháng 4 năm 2010. Trụ sở đăng ký của Công ty Vĩnh Trạch tại ấp Tây Bình, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn vào Công ty Vĩnh Trạch và Công ty Vĩnh Trạch cũng chưa có bất kỳ nghiệp vụ kinh tế nào phát sinh.

Xí nghiệp

- Xí nghiệp Lương thực Cổ Chiên đặt tại số 209, đường 14 tháng 09, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Xí nghiệp Lương thực Cái Cam đặt tại số 171/18A, quốc lộ 1A, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán lương thực, nông sản nguyên liệu, nông sản sơ chế (tầm, cám,...); Máy móc thiết bị nông nghiệp, phụ tùng thay thế và các lĩnh vực khác; Phân bón, nhiên liệu động cơ; xay xác thóc lúa, đánh bóng gạo; Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, đất, kho, bãi; Đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp; Đại lý; Vận tải đường thủy nội địa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, trong năm 2010, công ty con - Công ty Vĩnh Trạch chưa có bất kỳ nghiệp vụ kinh tế nào phát sinh nên không lập báo cáo tài chính và Công ty cũng chưa thực hiện việc góp vốn điều lệ vào Công ty Vĩnh Trạch. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG

03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU

Căn cứ và Nghị quyết số 376/NĐ-XNK-DHDCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Công ty từ 68.069.000.000 đồng xuống còn 67.775.000.000 đồng cho báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, do việc Công ty chưa phát hành 29.400 cổ phiếu thưởng tương đương với 294.000.000 đồng. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã công bố vào ngày 16 tháng 3 năm 2011 được điều chỉnh giảm khoản mục vốn điều lệ 294.000.000 đồng và tăng khoản mục vốn khác của chủ sở hữu với số tiền tương ứng. Đồng thời, Công ty cũng tái bổ nhiệm Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán lại báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được trình bày lại với những điều chỉnh như trên.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản ứng trước cho các hợp đồng mua gạo không hủy ngang đã ký kết trong năm nhưng đến ngày lập báo cáo tài chính giá gạo giao dịch trên thị trường đã bị giảm so với giá mua cam kết trong hợp đồng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí

1504
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HHHH
S.Đ.K.H.A
GUS

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40	6 - 40
Máy móc thiết bị	6 - 12	6 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 7	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10	5 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10	7 - 10

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian sử dụng ước tính của một số tài sản. Tuy nhiên, việc thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao trong năm và Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian sử dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không khấu trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn của quyền sử dụng từ 48 năm đến 50 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

Công ty là bên cho thuê

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực

177
GT
PH
ÁP
L
G2027
H
NH
CÔNG
NH
E L O I
T E T
T P . H A
T P . H A

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG

03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 7 năm (năm 2009: 20 năm).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian sử dụng ước tính của nhà xưởng từ 20 năm xuống 7 năm. Tuy nhiên, việc thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao trong năm và Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian sử dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng bất động sản của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau: Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng 935.049.033 đồng (năm 2009: giảm 1.410.801.384 đồng) và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ ghi có số tiền 475.752.351 đồng (năm 2009: 1.410.801.384 đồng).

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

178
NHẬP
TE
AM
CHÍNH

178
NHẬP
TE
AM
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	3.224.011.271	1.563.479.173
Tiền gửi ngân hàng	109.566.741.623	71.493.521.777
Các khoản tương đương tiền	77.560.000.000	-
	<u>190.350.752.894</u>	<u>73.057.000.950</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên vật liệu	5.479.534.272	1.297.037.724
Chi phí sản xuất dở dang	26.600.226.351	13.291.304.304
Thành phẩm	25.458.829.492	1.240.374.467
Hàng hoá	35.531.755.730	3.636.921.108
Hàng gửi đi bán	101.024.148.286	106.188.641.341
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.355.830.590)	(2.746.081.020)
	<u>189.738.663.541</u>	<u>122.908.197.924</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty đã thể chấp hóa đơn mua gạo tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với tổng giá trị là 206.772.560.375 đồng (năm 2009: 97.163.550.000 đồng) cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 13.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	19.198.200.719	5.987.264.946	1.231.777.874	17.356.233.971	1.021.021.014	44.794.498.524
Kết chuyển từ XDCB	-	3.230.765.200	189.972.258	-	663.776.909	4.084.514.367
Thanh lý	-	-	-	(520.000.000)	-	(520.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	19.198.200.719	9.218.030.146	1.421.750.132	16.836.233.971	1.684.797.923	48.359.012.891
HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	10.066.395.800	2.457.435.490	442.422.286	3.514.509.300	841.244.876	17.322.007.752
Khấu hao trong năm	1.381.452.410	778.696.302	251.161.445	2.417.897.000	107.064.500	4.936.271.657
Thanh lý	-	-	-	(520.000.000)	-	(520.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	11.447.848.210	3.236.131.792	693.583.731	5.412.406.300	948.309.376	21.738.279.409
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	7.750.352.509	5.981.898.354	728.166.401	11.423.827.671	736.488.547	26.620.733.482
Tại ngày 31/12/2009	9.131.804.919	3.529.829.456	789.355.588	13.841.724.671	179.776.138	27.472.490.772

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010 và 31/12/2010	53.128.521.867	42.757.200	53.171.279.067
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	42.757.200	42.757.200
Khấu hao trong năm	991.502.779	-	991.502.779
Tại ngày 31/12/2010	991.502.779	42.757.200	1.034.259.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	52.137.019.088	-	52.137.019.088
Tại ngày 31/12/2009	53.128.521.867	-	53.128.521.867

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất tại 206 Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị được xác định lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là 27.686.575.957 đồng. Tuy nhiên, đến tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất xong thủ tục chuyển đổi tên sở hữu từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long sang tên Công ty.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 39.510.531.212 đồng (năm 2009: 39.767.586.374 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 13 và 15).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	12.862.429.000	101.029.000
Tăng	11.943.221.615	22.750.944.407
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.084.514.367)	(9.989.544.407)
Tại ngày 31 tháng 12	20.721.136.248	12.862.429.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Văn phòng Nguyễn Thị Thập, Quận 7, TP. HCM	12.646.400.000	11.446.400.000
Dự án nhà máy Vĩnh Trạch	6.609.126.448	1.315.000.000
Khác	1.465.609.800	101.029.000
	20.721.136.248	12.862.429.000

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	1.181.066.900	6.586.656.893	7.767.723.793
Tại ngày 31/12/2010	1.181.066.900	6.586.656.893	7.767.723.793
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	93.240.000	676.008.793	769.248.793
Trích khấu hao trong năm	31.080.000	940.950.985	972.030.985
Tại ngày 31/12/2010	124.320.000	1.616.959.778	1.741.279.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	1.056.746.900	4.969.697.115	6.026.444.015
Tại ngày 31/12/2009	1.087.826.900	5.910.648.100	6.998.475.000

Bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư trong năm là 1.099.090.920 đồng (2009: 692.727.277 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 972.030.985 đồng (2009: 360.408.000 đồng). Hợp đồng cho thuê được ký với thời hạn là 3 năm từ ngày 15 tháng 3 năm 2009 đến 15 tháng 3 năm 2012 với giá thuê đã bao gồm thuế VAT hàng năm là 1,043 tỷ.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Trợ cấp mất việc làm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2009	-	-	-
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	2.039.620.147	-	2.039.620.147
Tại ngày 31/12/2009	2.039.620.147	-	2.039.620.147
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	6.212.747.964	276.652.820	6.489.400.784
Tại ngày 31/12/2010	8.252.368.111	276.652.820	8.529.020.931

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	653.108.250.000	463.803.250.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	686.000.000	4.538.383.750
	653.794.250.000	468.341.633.750

1017
IG 1
PH
HẬP
LỘ
CH2. C
PH
NHAN
TE
AM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG

03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long

Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Hạn mức tín dụng	31/12/2010	31/12/2009
VND	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á		
- Chi nhánh Vĩnh Long	290.000.000.000	320.271.250.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Long	-	56.547.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Cần Thơ	50.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long	-	9.900.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Vĩnh Long	-	59.085.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	30.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu		
- Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	-
	470.000.000.000	463.803.250.000
	653.108.250.000	

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung vốn lưu động và chịu lãi suất một năm từ 12% đến 14% đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và 6% đối với các khoản vay bằng Đô la Mỹ được xác định cụ thể theo từng kế ước vay. Lãi tiền vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của Công ty. Ngoài ra, các khoản vay này được đảm bảo bằng gạo tồn kho của Công ty.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	56.360.834	322.756.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.785.192.830	8.551.755.069
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.538.114
Thuế khác	-	21.247.700
	20.841.553.664	8.898.297.754

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Phát Triển Vĩnh Long với hạn mức tín dụng là 12.600.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất là 0,45% một tháng. Khoản vay này có thời hạn mười năm, gốc tiền vay được hoàn trả hàng quý, bắt đầu từ tháng 9 năm 2002. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của lô đất kho Cổ Chiên của Công ty.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	686.000.000	4.538.383.750
Trong năm thứ hai	-	3.281.150.089
	686.000.000	7.819.533.839
Trừ: Vay phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày là khoản phải trả ngắn hạn - Thuyết minh số 13)	686.000.000	4.538.383.750
Phải trả sau 12 tháng	-	3.281.150.089

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VINH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vinh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	31/12/2009
Số cổ phần được phép phát hành	6.777.500	5.175.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	<u>6.777.500</u>	<u>5.175.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của cổ đông nhà nước tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	Số cổ phần	%	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cổ đông nhà nước	<u>3.667.833</u>	<u>54</u>	<u>36.678.330.000</u>	<u>28.214.100.000</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	45.000.000.000	-	-	-	-	18.054.605.887	63.054.605.887
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	30.352.886.519	30.352.886.519
Tăng vốn từ lợi nhuận	6.750.000.000	912.730.294	-	-	-	(7.662.730.294)	-
Phân phối quỹ	-	1.528.224.121	-	1.825.460.589	1.825.460.589	(6.191.875.593)	(1.012.730.294)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(1.410.801.384)	-	-	-	(1.410.801.384)
Sử dụng quỹ	-	(1.528.224.121)	-	-	-	-	(1.528.224.121)
Số dư tại ngày 31/12/2009	51.750.000.000	912.730.294	(1.410.801.384)	1.825.460.589	1.825.460.589	30.052.886.519	84.955.736.607
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	61.248.688.311	61.248.688.311
Tăng vốn từ lợi nhuận	16.025.000.000	(500.000.000)	-	-	-	(15.525.000.000)	-
Phân phối quỹ 2009	-	2.209.663.319	-	2.831.326.637	2.831.326.637	(8.987.979.912)	(1.115.663.319)
Tạm trích quỹ 2010	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	935.049.033	-	-	-	935.049.033
Số dư tại ngày 31/12/2010	67.775.000.000	2.622.393.613	(475.752.351)	4.656.787.226	4.656.787.226	66.288.594.918	145.523.810.632

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 3 năm 2010, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức và thưởng Ban điều hành bằng cổ phiếu với số tiền lần lượt là 15.525.000.000 đồng (tỷ lệ 30%) và 500.000.000 đồng. Công ty chưa thực hiện việc chi thưởng 29.400 cổ phiếu tương đương 294.000.000 đồng cho Ban điều hành trong năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã tạm trích quỹ phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với số tiền là 500.000.000 đồng. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập quỹ sẽ được các cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

Danh sách cổ đông lớn và số cổ phần nắm giữ tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phần
Cổ đông Nhà nước	54,12%	3.667.833
Ông Lê Văn Hậu	10,12%	685.607
Doanh nghiệp tư nhân Tân Tuấn Lộc	9,71%	657.800
Ông Nguyễn Văn Sang	<u>5,51%</u>	<u>373.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vinh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.039.545.085.452	3.092.517.540.326
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.222.550.920	2.702.697.277
	<u>3.042.767.636.372</u>	<u>3.095.220.237.603</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.013.631.220	20.669.196.309
Lãi đầu tư	2.216.945.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.378.210.647	66.387.733.014
Doanh thu hoạt động tài chính khác	804.079	516.378.814
	<u>64.609.590.946</u>	<u>87.573.308.137</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.471.364.696	49.057.659.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.426.572.025	781.261.870
Chi phí tài chính khác	(4.433.891.247)	4.433.891.247
	3.564.532.523	-
	<u>46.028.577.997</u>	<u>54.272.812.981</u>

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	246.000.000	500.462.000
Thu nhập khác	1.432.477.651	1.021.534.641
	1.678.477.651	1.521.996.641
Chi phí khác	455.309.581	43.331.944
Lợi nhuận khác	<u>1.223.168.070</u>	<u>1.478.664.697</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	80.766.547.344	36.055.515.691
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(11.654.972.267)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.917.464.188	12.101.933.251
Thu nhập chịu thuế	104.029.039.266	48.157.448.942
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>26.007.259.817</u>	<u>12.039.362.236</u>
Thuế được giảm 30%	-	(3.611.808.671)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần	<u>26.007.259.817</u>	<u>8.427.553.565</u>

0017
ÔNG
PH
NHÀ
NH
ÔNGCÔNG TY
Y
NHÀ
TE
AM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	61.248.688.311	29.667.582.273
Trừ: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(500.000.000)	(1.415.663.319)
Thu nhập về thuế thu nhập hoãn lại	(6.489.400.784)	(2.039.620.147)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.259.287.527	26.212.298.807
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	6.360.411	4.893.750
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.531	5.356

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	26.691.210	33.731.539

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.691.210	33.731.539
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	106.764.840	106.764.840
Sau năm năm	827.427.510	827.427.510
	960.883.560	967.923.889

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất ở xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 19 tháng 10 năm 1996 đến ngày 1 tháng 1 năm 2046.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	2.306.205.500	1.971.722.000

25. CAM KẾT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các hợp đồng mua gạo trong tương lai với giá mua cố định không hủy ngang như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Giá trị hợp đồng mua gạo đã ký	650.383.016.122	353.373.670.188
Giá trị hợp đồng Công ty đã ứng trước cho người bán	625.432.806.036	345.590.372.780
Giá trị còn phải thanh toán	24.950.210.086	7.783.297.408



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH LONG03 - 05, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vinh Long
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày lập báo cáo này, giá gạo giao dịch trên thị trường đã giảm so với giá mua cam kết theo các hợp đồng mua nên Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị thu hồi các khoản ứng trước cho người bán đã bị giảm sút tương ứng. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng cho giá trị thu hồi bị giảm sút là 27.596.238.053 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 4.475.000.000 đồng).

Đồng thời, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các hợp đồng bán gạo trong tương lai với giá mua cố định không hủy ngang như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Giá trị hợp đồng bán gạo đã ký	333.338.253.350	91.395.166.362
Giá trị hợp đồng Công ty đã nhận trước từ khách hàng	292.033.860.252	75.546.794.697
Giá trị còn phải thu	<u>41.304.393.098</u>	<u>15.848.371.665</u>

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về việc bổ sung điều chỉnh và hướng dẫn áp dụng chính sách kế toán mới. Theo đó, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số dư là 593.342.193 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại và trình bày tại chỉ tiêu Nợ ngắn hạn trong phần số liệu so sánh trong báo cáo tài chính năm nay.

27. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Hội đồng quản trị phê duyệt để phát hành lại vào ngày 15 tháng 7 năm 2011.



Lê Tuấn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Cao Phỹ
Kế toán trưởng

